

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 4

(Phần Trung)

Tiếp, “Các pháp...”: là giải thích “cảnh giới rất sâu”. Đây là lý bản của Pháp Hoa là đầu mối của các giáo, là chiếc chìa khóa giải thích nghĩa, là chỗ y chỉ của chúng sinh, là nơi nương tựa để phát tâm, là dụng thể của quyền mưu, là nguồn gốc của mê ngộ, là lý bản của quả đức, là cùng khắp của Nhất hóa, là cuối cùng của năm thời. Được mười nghĩa đây để hiểu rõ các sự đặc biệt thêm nhiên không lầm. Do đó trước tán thán trí năng y, tức quyền thật của năm Đức Phật. Quyền thật nương vào đâu? Cái gọi là “diệu cảnh”, cảnh không xứng, trí còn chẳng phải Phật trí, huống chi không có cảnh có thể luận thẳng nói đối v.v... Sao mà có thể hiểu trí tuệ vi diệu khó nghĩ bàn này là để rộng phá các sự vậy? Tiếp, rộng kiến lập: Huyền Văn và Chỉ Quán lấy đây làm chủ. Một nhà dụng nghĩa bao quát đầy đủ đều do đây mà sợ hậu bối còn quên chỗ quay về kia, cho nên ân cần bận rộn. Tự thân thấy người tìm giáo đây còn mê muội, cho nên cần phải tư duy. Nếu mê ý đây thì lối đi tắt của các giáo mặc cho lạc đường, dòng chảy Nhất hóa nơi đây khô cạn.

“Quang Trạch nói tam tam”: Nghĩa là nhân (người), giáo, Nhân. Vì xưa không có nghĩa quả cho nên tam thừa đều là tam, lý Nhất chẳng hư vọng. Nói “thật tướng”: Nên nói phi hư, cho nên thật, phi tướng là tướng cho nên gọi “thật tướng”. “Trong bốn Nhất thiên nêu Lý”: Căn cứ theo ý Quang Trạch, đã đồng người xưa không lập Lý nhất, chỉ nói Lý là gốc của bốn Nhất, cho nên bốn đều gọi là Nhất, đây không đề cập đến văn nay nói một trong bốn. Từ đây trở đi cho đến hết phần Bắc địa sư đều là giải thích của Quang Trạch. “Bồ-tát giáo lấy lục độ làm thể”, Quang Trạch cũng lập tam kỳ Bồ-tát, lấy làm Bồ-tát trong tam thừa, tức văn nay là Tam tạng Bồ-tát. Đời cận đại đến nay nghĩa đây hoàn toàn bỏ, năm trăm người kết tập phải trở về Ngũ thiên, hoặc chỉ hợp thoai thất đại thừa tự qui Phật đạo không liên quan đây, thì đâu những định

tánh vĩnh diệt mà cũng chính là Bồ-tát Không đàm. “Vân vân” là lẽ ra nói rõ Bích-chi-phật, Thanh-văn dùng để duyên làm thể. “Thật cảnh có bốn Nhất, dùng bốn để rộng nêu lý Nhất kia”: Nhân duyên... bốn thứ phán xét làm thật cảnh, cho nên lấy những thứ này để rộng luận đàm lý Nhất. “Ngài Sưông sư chỉ căn cứ trên Phật”, chỉ lập Nhất thật mà không có tam quyền, đối “thập lực” đều có lý đây, đối với nay bốn giải thích, Phật thừa một giải thích còn tự chưa cùng khắp. Vì không có cứu cánh Không Giả Trung... Trong đó, đầu tiên là tổng nêu tướng thập lực, tiếp là biệt đối tánh... thể làm căn bản; sau cùng là nói tổng là căn cứ tám lực trước để giải thích Xứ phi xứ, tức dùng bản mặt tổng thân chín thứ trước. “Các giải thích ở trên đều là một đường”: các giải thích có thể thấy, vọng nay giải thích thì đều được một chút phần của trong thập giới thập như, cho nên nói “một đường”. Quang Trạch tuy giống như tự đắc tứ Thánh mà chỉ lập chín. Lại phân giải chín là năm quyền bốn thật. Bắc, Diêu hai sư tuy lập đủ mười mà không phân biệt, chỉ tại Tam thừa, lại không có Nhất thật, nhưng tóm lược các giải thích đã tùy thuận Tam thừa và dùng Nhất thừa. Tam và Nhất đều có mười thứ: Tánh, Tướng v.v..., vì sao không nói lục đạo có mười ư? Tứ thánh là sự, từ nhân đến quả. Lục đạo cũng sự, cũng nên như vậy. Nhân quả đã đồng mười nghĩa đâu thiếu. Tứ thánh là năng chiếu, lục đạo là sở chiếu. Thập giới là sở chiếu, Phật thừa là năng chiếu. Cho nên Phật trí chiếu thập giới thập như tam đế đầy đủ. Cứu cánh... nói lý kia rõ ràng. Vì sao chư Phật đều căn cứ một đường khiến Phật cảnh trí không đầy đủ? Nay Sư không thể bài bác chi tiết, chỉ tổng phá Quang Trạch nói văn lý không thông... Lý là đạo lý, văn tức hiện văn. Văn đầu có thể thấy.

Tiếp, trong phần Phá lý thì trước dùng bốn, năm trong mười để đối vấn nạn.

“Nhân quả”: Nhân duyên là nhân, quả báo là quả. “Nếu thật..”: là căn cứ người đối phá, lại y bốn câu năm thừa. Nếu y văn nay thì nên căn cứ thập giới để luận hữu vô. Tiếp, “Nghĩa không..”: là kết phá. Văn nói các pháp nên thân thập giới. Thập giới thập như, thật tướng tức là thể của giới như. Nếu duy nhất chỉ bốn thì ngoài thể còn sót chín, năm, hưởng chi là mười. Mười đều là như. Nay muốn chánh giải, trước dẫn Đại luận tức Ngài Đạt-ma đã dùng. Dẫn ý luận, chỉ rộng làm so sánh ước lệ không phải giống chính xác. Luận đã nói mỗi một pháp đều có chín thứ, cho nên biết Quang Trạch không nên dùng bốn hoặc năm thứ mà riêng phê phán. Các sư không nên dùng ba Nhất mà mọi người đều dựa vào. Cho nên biết chỉ y thập giới thập pháp thì các nhà giải thích

đều bỏ, hướng lại bốn giải thích đứng đầu tuyệt xưa nay. Như đây, hiểu rõ văn mới khế hợp ý chỉ kinh. Các sư phân chia lý thú là tại sao! Đây Ngài Đạt-ma Uất-đa-la là chủ Tạp Tâm luận, Bà-sa có Pháp Cứu luận sư là chỗ nương theo của Luận chủ Tạp tâm, từ Sư đặt tên. Đã y Đại luận không riêng phân trang. Nay trong mỗi mỗi câu đều nói tức là “Tướng như vậy, v.v...” trong Pháp Hoa. Dù không theo chính xác tinh tế mà cũng tránh khỏi các lỗi trên.

Tiếp, “Nay nêu...”: trong chánh giải thích, trước là thuật nêu chương, tiếp là chánh giải thích. Văn chia làm ba ý: 1. Thuật nêu chương. 2. Dẫn lời Thánh làm chứng. 3. Chánh giải thích. Trong văn dẫn chứng hai văn đầu có thể thấy. Tiếp, trong dẫn “Ly hợp” nói: “Thôi thôi! chẳng cần nói nữa...” là dùng mười pháp này tùy tự tùy tha chỉ Phật mới hiểu rõ, cho nên nói “Pháp ta vi diệu khó nghĩ bàn”, chỉ dẫn hợp văn, nghĩa kiêm ly. Đã nói “khó nghĩ bàn”, mới có thể hợp khắp cho nên phải ly. Dẫn căn cứ trong vị nói: “Chỉ Phật cùng Phật...”: là ba đức cực lý chẳng phải là điều mà Thất phương tiện biết được.

Tuy lại không biết mà “các vị” pháp nhĩ, cho nên phân mười thứ sở thuộc không đồng. Phần chánh giải thích: Đầu trong mười giới chia làm mười:

1. Liệt kê.
2. “Pháp tuy...”: là Giới Như nhiếp pháp.
3. “Như địa ngục...”: là chỉ tướng.
4. “Cho nên Tỳ-bà-sa...”: là lấy Tiểu dụ cho Đại.
5. “Nên biết...”: dùng lý chuẩn theo lệ thì biết có Giới Như.

6. “Nếu chiếu...”: phê phán. Nói “tự vị”: Tuy nêu mười giới mà giới giới đều có mười, lại chiếu đương giới lấy chín làm Quyền, dùng một làm Thật, cho nên phải kết nói “Vô lượng trong một”. Một giới có đầy đủ mười, mỗi mỗi có mười như. Hoặc tự hoặc tha, hoặc nhân hoặc quả, tại nhất tâm, cho nên nói “Vô lượng trong một, một trong vô lượng” không thể dùng “một” nói, không thể dùng “nhiều” nói, không thể dùng “Quyền” nói, không thể dùng “Thật” nói. Nhân quả thiện ác, không hữu, đại tiểu, phạm thánh, tiêm đốn, khai hợp, tâm pháp, y chánh, một nhiều tự tại. Tất cả các pháp thủy đều “như vậy”. Thế nên: luận đàm pháp giới mà chưa cùng tâm diệu đây, thì dẫn đến khiến lầm quả sự và mê nhân lý.

7. “Nếu chiếu lục đạo...”: kiêm phá Quang Trạch. Quang Trạch đã không nêu mười giới, nay lại y kia phá. Dù cho dựa vào mười giới đều đủ mười như, thì cũng phải phân rõ ràng cảnh tư nghi. Hướng chi Quang

Trạch chỉ tại bốn Thánh. Bốn, năm không đồng.

8. “Sở dĩ...”: là kết vị. Trước là lần nữa lại lập cảnh nói “vô lượng trong một”. “Phàm phu tuyệt lý”: Là tự mình hèn kém không phân biệt, nên nói “tuyệt lý”, tùy tưởng mà thấy sai khác cho nên nói “tình mê”. Đã “tuyệt” lại “mê”, theo đủ thứ đây thì lợi ích gì? “Nhị thừa...”: tức nhị giáo nhị thừa. Ba đường tức là xả mà chẳng quán, tránh Không, cầu Không trở lại giúp Tiểu thoát. “Bồ-tát...”: Tạng, Thông chiếu sáu, Biệt chiếu thứ lớp, cho nên nói “không cùng khắp”, đều mê cỏi mình không đạt Phật giới. Nói “bất liễu” hãy còn bao quát mười địa, cho nên nay nên chỉ Biệt địa và nhân. “Ngang dọc đầy đủ”: vô lượng trong một là “ngang”, vô lượng tức một là “dọc”. Nhiều một tương tức cho nên nói “đầy đủ”.

9. “Chỉ riêng...”: dẫn chứng kết ý, như văn.

10. “Trên Huyền Nghĩa...”: là chỉ rộng, đầy đủ như Huyền Văn cảnh diệu phần cuối nói: Duỗi ra thì đầy đầy pháp giới, không biết từ đâu mà đến; thâm vào thì chẳng biết sở tại, không biết từ đâu mà đi. Cho đến trong giải thích pháp thì rộng giải thích thập giới thập như.

Tiếp, “Căn cứ Phật pháp giới” chia làm bốn: 1. Chánh giải thích 2. “Đây là...” là xưng tán. 3. “Theo lệ cũng...”: theo lệ, giải thích. 4. “Như Lai...”: là nêu quả kết bài xích.

Hỏi: Phật giới trong đây và Phật giới trong mười pháp giới trước, có gì sai biệt?

Đáp: Trước thì tại mê tại nhân thông ngộ thông quả. Nay chính là chỉ quả không thông nhân mê, cho nên mỗi mỗi pháp đều dùng song phi, phi tướng, phi giả, phi bất tướng, phi không. Tuy nêu song phi mà ý vẫn tồn tại ba đế.

Chín cái dưới căn cứ đây thì biết, cho đến “Bản mặt cứu cánh đẳng”. Như vậy mới gọi là “cứu cánh Phật thừa”. Thế nên đều dùng “Đại xa” văn để kết. Đây tức là văn phẩm này. Chính Phật quả gia là thật tướng của các pháp. Đối kia thí thuyết, tức trang nghiêm đại xa đi đến Đạo tràng. Đối kia đời trước tức cực quả Phật khai quyền thật. Đối Bản môn kia, tức thành Phật đã lâu khế hợp diệu pháp. Nếu chánh tông có thể biết thì lẽ nào mê lưu thông? Nói một câu một kệ càng có thể tin. Nói ba đức ba khuôn phép sáng tỏ như trước mặt. Nếu được ý này thì rộng diễn tám năm không ra ngoài nhất niệm. Trải qua năm mươi tiểu kiếp há động một sát-na? Ví như biết một đời hợp căn cơ ở tâm tính, mười phương Phật sự rõ ràng trước mắt. Pháp giới căn tánh xem mà dễ thông, tùy nghi sở thuyết đều chỉ tạng lý. Trong phần kết bài xích, dùng

nhân làm dụ: Lại dùng Tiểu thừa tuệ nhãn thấy Không, cùng mà luận nói “đắc nhất nhãn”. Sơ trụ Bồ-tát cho đến Đẳng giác còn có vô minh, nay lại bài xích phương tiện giáo, Bồ-tát chưa thấy Trung thì đều như thấy ban đêm. Tiếp, trong giải thích “Ly hợp” có bốn: 1. Chánh giải thích. 2. “Ly khai...”: nêu cảnh xưng tán. 3. “Phàm phu...”: bài xích. 4. “Vì đây...”: là tổng kết. Văn đầu chia làm ba tức ba lời, tùy tự mình mới tại kinh này, tìm kỹ thì có thể thấy. Trong “Căn cứ địa vị” có hai: Trước là chánh giải thích mười như, tiếp “Sơ vị...”: là lần nữa lại giải thích “Cứu cánh đẳng”. Văn đầu: Tướng tánh thể ba thứ cùng Phật giới nói ở trước đều có chút ít sai khác. Trước nêu đã thành Phật quả, cho nên dùng tu tánh đối luận mà đầy đủ mười pháp, nay nêu địa vị liên quan Thánh phàm. Phân đối mười pháp, mười pháp địa vị sai biệt cho nên nói “Căn cứ địa vị”. Vì ba pháp đầu chỉ có lý, cho nên vị định tại phàm. “Lực” tại năm phẩm, “Tác” tại sáu căn. “Nhân duyên” tức là Sơ trú trở lên, tu đắc duyên liễu, “Quả báo” tức là cực quả Bồ-đề Niết-bàn, Bồ-đề quả, Niết-bàn báo. Vì vậy ba pháp đầu lại ở liệt kê chung mười giới. Giới giới ba đức đồng tại lý tánh, cho nên nói “mười giới” cũng chỉ tại lý. Nếu không vậy thì vì sao nói nếu nghiên cứu thì mười giới này bình đẳng? Cho nên lý tánh ba đức văn kia tại đây. Nhưng trong các văn phần nhiều căn cứ tu tánh tướng đối biện, làm thành giáo tướng, người đọc đều biết rõ. Nay thấy văn đây nên thông suốt các thuyết. Nếu nghiên cứu đến “Quả báo như vậy”, thì ba pháp đầu đã đều tại tánh tại nhân hợp gọi là chánh. Cho nên Lực trở xuống, là thuộc tu thuộc quả. Cho nên ở vị quán hạnh trở đi nghiên cứu tánh cảnh này, có lực trừ thô hoặc và có tác tự hành. Nếu nhập phần chân đối ba tánh kia, hợp gọi là chánh, bèn lấy chân thật trợ giúp gọi là “nhân duyên”. Đến địa vị cứu cánh, Bồ-đề gọi là “quả”, Niết-bàn gọi là “báo”. Tuy phân ra đối đầu cuối mà chính là địa vị nhân quả một Pháp giới Phật cho nên chẳng đồng người xưa dùng Quyền thật để phân chia phê phán.

“Sơ tam...” ba pháp đầu nghĩa là ba pháp trong nhân: Tướng v.v... “Hậu” tức ba pháp quả địa trong báo, cho nên biết ba đức tức là ba đế. Cho nên nói: “Sơ hậu” đến “cứu cánh đẳng”. “Sơ vị...”: là lần nữa lại giải thích cứu cánh, chia làm hai: Giải thích và kết. Trong giải thích có ba: 1. Lần nữa lại giải thích ba đức bản mặt bất nhị, kết thành cảnh tuyệt tán. 2. Lần nữa lại giải thích cứu cánh đẳng thành bất nhị. 3. Giải thích bất tư nghì. Phần đầu giải thích “ba đức”: “Ác” tức ba ác, “thiện” tức ba thiện. “Hiền” nghĩa là tiểu Hiền. “Thánh” là tiểu Thánh. “Tiểu” nghĩa là Hiền Thánh trong Tiểu thừa. “Đại” nghĩa là các vị trong Đại

thừa. Phần giải thích “Cứu cánh đấng” lại có ba: Một, căn cứ trong Hoặc trước là lập cảnh. Hai, “Nếu mê...”: là căn cứ mê ngộ đối biện tam đế. Ba, “Lại quyền thật...” là căn cứ giáo. Sở dĩ có bốn giải thích: Nêu rõ Lý nhiếp khắp, là căn cứ mười giới mà giải thích. Nêu tự chứng cùng cực, là căn cứ Phật giới mà giải thích. Nêu Phật hóa dụng, là căn cứ ly hợp mà giải thích. Nêu ba đức biến khắp, là căn cứ các vị giải thích. Nếu xem Chỉ Quán có xen lẫn rộng hẹp, nay đủ bốn giải thích, thì đây rộng kia hẹp. Đây chỉ chánh báo không nói tam thiên, thì đây hẹp kia rộng, tên gọi tuy vậy lý ắt đều đồng, nhân ắt đủ quả, chánh chắc có y. Nhưng trong bản luận giải thích mười Như này, thì lý cùng giáo cực. Nay thuật ý chỉ luận khiến cùng một nhà ý nghĩa phù hợp. Luận nói thành tựu không thể nói hết.

“Thật tướng”: Nghĩa là thể bất biến của Như Lai tạng, Pháp thân. Phật trí biết đầy đủ thật thể này. Kinh nói: “Tướng như vậy...”, luận nói: Những gì gọi là pháp? Pháp như thế nào? Tợ pháp gì? Tướng pháp gì? Thể pháp gì? Những pháp gì là tam thừa pháp? Pháp như thế nào là khởi chủng chủng sự thuyết? Tợ pháp gì? là y ba môn được thanh tịnh. Tướng pháp gì? là nghĩa của ba loại là một tướng pháp. Thể pháp gì? là chỉ có một Phật thừa, không có thừa nào khác. Nay cho rằng câu đầu trước nêu rõ mười Như thông tam thừa pháp. Câu tiếp: là cái gọi là tam thừa giáo sai biệt. Câu tiếp: tức là người tam thừa y giáo kế hợp thật. Câu tiếp: là khai tam thừa tướng, không có tướng khác. Câu tiếp: là khai tam thừa thể, chỉ có nhất thật. Luận lại nói: Những pháp gì? tức là pháp hữu vi vô vi. Nói pháp gì? tức là pháp nhân duyên, phi nhân duyên. Tợ pháp gì? tức là Pháp thường, vô thường. Tướng pháp gì? tức là ba tướng sinh v.v..., tức ba tướng Bất sinh v.v... Thể pháp gì? tức là ngũ ấm phi ngũ ấm.

Nay nói phen này ly khai tam thừa, lần lược biệt giải thích trở về thể thực tướng. Câu đầu: Dùng Thanh văn vô vi đối pháp lục đạo là hữu vi. Câu tiếp: Dùng Bích-chi-phật đối phi nhân duyên khác. Câu tiếp: dùng Bồ-tát pháp đối tám giới còn lại, đều vô thường. Câu tiếp: dùng tam thừa đối sáu cõi còn lại, đều là ba tướng. Câu tiếp: mười giới năm ấm đều là thật thể. Luận lại nói: Tợ pháp gì? Là pháp vô thường, hữu vi, nhân duyên. Tướng pháp gì? Nghĩa là pháp có thể thấy tướng v.v... Thể pháp gì? Là pháp ngũ ấm năng thủ sở thủ, là thể khổ tập. Lại ngũ ấm là thể đạo đế. Nay lại nói một phen đây để giải thích hai câu trên, tổng hợp tại trong câu thứ ba, vẫn tóm lược câu ba nhập vào trong câu bốn, nghĩa là pháp tam thừa đều có thể thấy. Lại tóm câu bốn nhập câu

năm thành sơ khổ tập. Lại chỉ khổ tập toàn là định tuệ. Văn lại nói ngữ ấm là thể của đạo đế, cho nên biết lục đạo tam thừa vọng thật vẫn còn là Khổ tập. Luận lại nói: Lại có y thuyết, Những pháp gì? Nghĩa là danh tự cú thân. Nói pháp gì? Là y Như Lai nói pháp. Tợ pháp gì? Là năng giáo hóa có thể hóa độ chúng sinh. Tướng pháp gì? Là âm thanh nhận lấy pháp kia. Thể pháp gì? Là giả danh thể pháp tướng.

Nay cho rằng một phen mà giải thích, trở lại y năm câu, muốn dùng giáo pháp thông nói trước. Câu đầu: Thuyên giảng đủ pháp quyền thật của mười giới. Câu tiếp: Sở y đều thật, không còn các giáo khác. Câu tiếp: Nêu rõ quyền thật căn duyên thọ khổ không đồng. Câu tiếp: Nêu rõ các căn duyên hội đại hóa. Câu tiếp: Nêu năng hóa sở hóa, năng thuyên sở thuyên, đều giả thiết lập, bởi vì vọng sở chứng chỉ có chứng thật. Tin biết luận văn không thể liền phân biệt, cho nên dùng ý nay mới ứng diệu chỉ. Huống chi luận bốn giải thích tức là nhà nay bốn giải thích.

Đầu giải thích đã dùng tam thừa thể tướng đều một thể tướng, tức Phật giới giải thích. Tiếp giải thích đã dùng tam thừa đối lục đạo giải thích tức mười giới giải thích. Tiếp giải thích đã căn cứ khổ tập đối với đạo, ngoài đây ra không còn nữa tức căn cứ địa vị giải thích. Tiếp giải thích tức căn cứ năng thuyên giáo giải thích. Do giáo quyền thật nên có thiết lập, hội nhập tức Ly hợp giải thích, cho nên biết một nhà nghĩa Đại đều cùng ý chỉ luận phù hợp, vậy thì hiện văn một trăm mười tám câu bèn thành một trăm mười tám lớp giải thích mười Như. Luận văn phong phú mà người chẳng biết, nay từ tổng luận cho nên lại bốn lớp giải thích.

“Nếu căn cứ...”: là giải thích bất tư nghì: Cảnh trước tuy đã thành bất tư nghì, danh kia vẫn thông, cho nên nay lại đối tư nghì mà biện khiến biết rõ bốn giải thích trước chân thật bất tư nghì. Văn này chia làm ba phần: Một: Lược xuất thể tướng. Hai: Dẫn sự loại so sánh. Ba: Nêu lý so sánh kết. Phần một: Trước là lược xuất. Tiếp “Các kinh...”: chỉ rộng. Đầu văn trước là giải thích danh, “xuất tâm số pháp” cho nên bất khả tư, quá ngôn ngữ đạo cho nên bất khả nghì. Tiếp, “Bất năng hành...”: xuất thể. Thể phi nhân quả và phi năng thú. Hành là nhân. Đáo là quả. Thể đây không hợp nhân cùng quả. Nếu kia thuộc năng thì không liên quan đến thể.

Tiếp, nêu Thí, trong Thí có ba: Pháp, dụ, hợp. Phần đầu, Pháp: Quán sắc là thường nên không bại hoại, thường ắt có đủ bốn, bốn chỉ là tâm, bất dị cũng vậy. Thí dụ loại trong đó có hai lớp: Đầu dùng “sáng và

tối” để dụ “Bất tư nghi” và “Hoặc”, đồng thể, cho nên chỉ trắng sáng, toàn sáng là tối. Tiếp “Lại, khi mặt trời xuất hiện...” là dụ chuyển tối thành sáng. Nói “thường tại”: Chỉ là tối không có tánh tối, nêu tối là sáng. Mê ngộ cũng vậy, lý tính không sai khác. Nhân vị thì sáng cùng không sáng xen lẫn không thể riêng biệt cho nên nói “cùng hợp”. Nhập phần chân vị phá một phần tối, chỗ tối bị phá thể biến thành sáng, lẽ nào có cái bị phá dời đổi đến phương khác? Không có chỗ để đến, nên nói “thường tại”. Lẽ nào trí sáng phát mà vẫn còn cái tối trước, mà nói “thường tại” ư? Tuy nói “thường tại” nhưng cuối cùng phải phá sạch, cứu cánh vĩnh viễn sạch mới gọi là “thường tại”. “Sinh tử cùng đạo hợp...” là hợp. Tiếp, “Các kinh...”: phần Chỉ rộng: như văn. Căn cứ sự để so sánh, là trong bốn thứ Bất tư nghi thiếu giải thích đức Phật, vì người đời dễ tin, vì giáo phần nhiều nói, cho nên Phật tại một trong bốn Bất tư nghi, ba loại còn như vậy, hướng chỉ là Phật ư?

Nói “Như A-hàm”: Như Tăng Nhất A-hàm quyển mười tám nói: Xá-lợi-phất nói: “Chúng sinh không biết thọ mệnh của Như Lai”. Phật dạy: Có bốn thứ Bất tư nghi mà Tiểu thừa chẳng biết được. Thế nào là bốn? Như văn nói. Nhân giải thích thế giới bất tư nghi, dẫn kinh làm chứng. Nói “A-hàm nói một sĩ phu”: là Tạp A-hàm cũng nói Phật tại nước Xá-vệ có nhiều Tỳ-kheo ở trong nhà ăn, tư duy việc thế gian. Đức Phật biết ý niệm đó, liền đến nhà ăn bảo các Tỳ-kheo rằng: Các ông tư duy việc thế gian không có nghĩa gì, chẳng lợi ích gì, không thuận với Niết-bàn. Các ông nên tư duy “Tác tứ Thánh đế”, đây là việc có nghĩa, có ích, chánh hưởng Niết-bàn. Như thời quá khứ có một sĩ phu ở thành Vương-xá bên ao Câu-si không chánh tư duy, thấy vô số tử binh chui vào trong sợi tơ của ngó sen, thấy rồi liền khởi niệm: Ta cuồng si ư? Mất tánh rồi ư? Thế gian không phải cuồng mà nay lại thấy. Lúc bấy giờ cách thành ấy không xa có một đại hội, sĩ phu liền đến hỏi việc như vậy. Người trong Đại hội đều cho sĩ phu ấy là điên cuồng, mất tánh, cho nên mới như vậy. Vị kia thấy Phật hỏi..., Phật dạy: Chẳng phải cuồng mà là thật, vì cách ao kia không xa có chư Thiên cùng A-tu-la đánh nhau, binh Tu-la bị bại nên vào trong tơ sen trốn đó thôi! Vì vậy nên Tỳ-kheo chớ tư duy việc thế gian chẳng phải là việc của Tỳ-kheo.

Trong giải thích “Long (rồng)” kiêm nêu có Thiên cũng có thể phun mưa tức là loài rồng vậy. “Ngũ đạo (năm đường)...”: tức giải thích chúng sinh. Luận nói: Chúng sinh trong năm đường đều có lực riêng như vậy. Trong luận Bà-sa Tạp-kiền-độ nói: Nếu nhân cúng tế chỉ quỷ thần được.

Hỏi: Là hơn hay kém?

Đáp: Chẳng hơn chẳng kém. Nếu hơn thì thiên nhân nên được, nếu kém thì địa ngục được, do đường kia có tự lực như vậy. Căn cứ lời dạy thành thật này, có thể chứng minh là người đời ví như sáu đường không thể đắc hết. Đây là Lương Võ thấy người Giang Đông phần nhiều ưa thờ cúng danh thần, cho nên dùng tượng tợ Phật pháp quyền nghi thay thế.

Luận nói: Như người không thể bay lên cách mặt đất bốn ngón tay dù trong chốc lát, mà chim thì bay trong hư không cao thấp tự tại. Trước nường một sự mưa để nói rõ các đường khác không có khả năng. Như Thiện-trụ Long vương để so sánh trí lực, biết Đế-thích muốn cùng Tu-la đánh nhau, xương sống kêu thành tiếng. Nếu khi Đế-thích muốn vào trong vườn trên xương sống tự nhiên có hương tượng hiện. Đây là sự bất tư nghì nhiếp trong đường súc sinh, như quỷ năng biến thức ăn... Lại nói: Các cõi đều có tự lực như vậy. Như Thích Tiêm nói đây có ba điều sai khác. Văn đây tụng hai trí, vọng chương đầu ở trước tán thán chư Phật nhị trí, văn đủ ba điều sai khác. Câu đầu tụng trong thật trí chỉ có hai điều sai khác. Ba câu dưới tán thán trong Quyền trí lại có một điều sai khác. Cái sai khác thứ nhất nên nói “song chích”(đôi lẽ). Tiếp, cái sai khác thứ hai: nói “khai hợp”: Trên trong văn trường hàng nhân pháp đều khai, cho nên trong chư Phật và nhị trí đều nêu tán thán giải thích kết, cho nên nói “khai”. Nay chỉ nói “thế hùng” cho nên nói “hợp”. Nhân ắt kiêm pháp cho nên nói nhân tổng. Nói “pháp biệt”: Do thời gian gia-bị cho chúng sinh khác nhau cho nên có Quyền thật. Đây biệt nhưng hợp, không có ba thứ: tán thán v.v... Cái sai khác thứ ba: nói “Nhị thừa và hết thấy chúng sinh, đồng là người không biết” thì còn chưa đủ khác, nên nói “Nhân pháp trên đều nêu” cho nên nói kia là pháp trí tuệ môn, tất cả hàng Thanh văn v.v... Nay chỉ nêu người lại là “có không” sai khác, cũng là “song chích” sai khác. Lại văn trên không phân bốn Đức Phật mà chỉ nói chư Phật, cho nên hàng trước chỉ nói “thế hùng” tức chư Phật đang hiện tại, hàng sau chỉ nói “Phật lực” không nói “ta nay”, do văn trước nói Đức Thích-ca quyền trí đầy đủ, có lực vô úy... biết là tụng Thích-ca. Lại văn trước có chữ “chư Phật”, thì có thể phân làm bốn Đức Phật, nay chỉ nói “thế hùng”, tợ chẳng phải chư Phật, nhưng dùng nghĩa để phân, vì câu “thế hùng” có chữ “thế”, có thể thuộc ba đời (tam thế). Thế ắt có phương, cho nên biết là tụng chư Phật. Hàng sau thẳng nói Phật rõ ràng có thể thuộc về Đức Thích-ca. Nói “Phật lực vô úy là quyền trí”: trước trong trường hàng chỉ trong nhân quyền, trong đây đã nói công đức. Nói “công đức” cũng phần nhiều tại nhân. “Các pháp

khác (còn lại)...”: là lực vô úy trước, chỉ là tự hành, từ nhân là quyền. Vì vậy nên “các pháp khác” là hóa tha quyền. Hóa tha đây chẳng phải chỉ quyền pháp gọi là hóa tha, mà chỉ đối tự nhân gọi là hóa tha. “Chỉ nêu đầu cuối”: Vẫn trước nêu hai cái sau, từ chối nêu hai cái đầu. Cho nên, trước là nói “đại quả báo”. Tiếp là nói “nghĩa tánh tướng”. “Chữ “Nghĩa: kiêm...”: “Nghĩa” là nghĩa lý, nói chỉ một cứu cánh, có nghĩa lý Không, Giả, Trung. “Đại cùng chủng chủng...”: Đây đủ như trong Huyền Văn. Trong phần phá giải thích của Quang Trạch, kia nói “Đại” cho nên biết là Thật, “chủng chủng” nên biết là Quyền. Nay văn ý nói: Quyền thật xen nhau mà có, lẽ nào quả báo chỉ có “Đại”, tánh tướng chỉ có “chủng chủng” ư?

Lại, giải thích trong diệu thì đại diệu tương vọng, lấy làm sáu câu. “Lục độ” đến “phát tâm”: Đoạn tức thành Phật. Như ý châu đầy đủ như Chỉ Quán và Ký. “Vô lậu bất tư nghi”: Phải biết Bất tư nghi đây là vô lậu, cho nên “vô lậu” danh đồng, ứng “tư” nghĩa biệt. Nói “Sinh xuất bốn thứ giải thích đã như trên”: tức chỉ bốn phen ở trên đã giải thích mười Như. Đây là dưới kệ văn đối. “Đãi đắc Niết-bàn”: chỉ lục độ vì đối với Nhị thừa, đây sinh tức đắc cho nên nói “đãi đắc”. “Đãi” là kip vậy, lại nay muốn phế bỏ tiểu Bồ-tát vì là phụ (bàng), Cho nên bàng nói: “Kip đến” hoặc “sẽ nhập diệt”. Nếu không như vậy thì nay căn cứ theo tha nhân ba câu trên chánh nêu nhị thừa, thoát phược tức là đã đắc Niết-bàn, tại sao lại nói “đãi đắc Niết-bàn”? Do nghe ba ngụy một chân, là các Thanh-văn chỉ nghe tam thừa đều là phương tiện. Phương tiện tức ngụy. Lại “nghe cần phải nói chân thật”, do đó nghi cái thật đó chưa từng nghe nói là chỉ nhất thật. Thiên nêu Nhị thừa: Người đời nếu hỏi: Nếu ba đều hội nhập thì vì sao trong đây trình bày nghi chỉ có hai? thì cũng nên phản vấn lại: Nếu Bồ-tát không nghi thì vì sao vẫn dưới nói Bồ-tát nghi trừ. Nếu nói nghi thông ba hạng người, hội nhập chỉ có hai, thì Bồ-tát lỗi gì mà không hội nhập? Kinh nói: “Nghi trừ”, là để giải thích “không hội nhập”. Đây chính là phá kinh, sao gọi là giải thích kinh?

“Nhất giải thoát”: Xưa giáo hóa ba hạng người đồng một giải thoát. Trong Phương-đẳng Bát-nhã tuy nghe giải thoát thù thắng mà nay từ đầu nói; lại nói đã đắc một trong ba đức tức Giải thoát, điều này không đúng. Giải thích “ba phen thỉnh”: Diêu sư, Long sư không phải không nhìn thấy nghĩa này, cho nên không hoàn toàn phá, nhưng không bằng Sư nay, vì đối với ba lần ức chế khiến ba phen thỉnh. Đây tức là giải thích văn biểu hiện đến chỗ sâu xa thấu đáo. Phàm một nhà

phá nghĩa đều sợ liên lụy đến người học sau, đối kinh có vượt quá biên cương, lại phá bỏ đó, không giống người đời luôn ấp ủ trong lòng. Lại, kệ sau ba hàng rưỡi, nói: “động chấp sinh nghi”. Đến “Bấy giờ trong chúng...”: chỉ nói nổi lòng nghi dẫn đến thỉnh. Hỏi: Căn cứ đầu phẩm khai chương nói: Đầu là lược khai tam hiển nhất. Tiếp, (nhĩ thời) “Lúc bấy giờ...” là động chấp sinh nghi. Và đến trong đây vì sao dùng “văn lược khai tam” làm là “động chấp sinh nghi”? Và “bấy giờ...” hiện lên nghi để thỉnh, là gì ư? Đáp: Chỉ nói động chấp sinh nghi, nói kiêm hai hướng vì sao? Nếu “Lúc bấy giờ trong Đại chúng...” là ý nêu do trước lược khai động cái chấp xưa nên sinh cái nghi mới, nếu tại ba hàng rưỡi kệ tụng ý nêu đây lược khai động chấp xưa kia khiến sinh nghi mới, thì lại gọi văn trường hàng vì hiện lên nghi đến nổi thỉnh, chấp đã bị động, nhân đây có nghi. Nay trước hiện nghi sau mới đến thỉnh vì vậy nên văn đây dụng hai hướng chẳng lầm. Nếu dùng văn đây làm nghĩa hiện lên nghi đến thỉnh thì nên khai chương nói: lược khai ba làm hai: Trước là trường hàng và mười bảy hàng rưỡi kệ tán thán nhị trí. Tiếp, ba hàng rưỡi: tụng chánh lược khai hiển động chấp sinh nghi. Văn nói “chấp động nghi sinh”: Do trước lược khai động cái chấp kia nên chấp động, do trước sinh cái nghi kia nên nghi sinh. Nghi đã sinh rồi, nay chỉ đến thỉnh. Thế nên đầu chương chỉ nói hiện lên nghi đến thỉnh. Người được lợi ích ngộ có sâu cạn, người sở dẫn thâm hoạch thọ ký sai biệt. Căn cứ năng dẫn quyền chúng biện rõ lợi ích không đồng, đã biết hiển lợi ích muốn biết lợi sâu kín cần phải biện rõ đợi thời.

“Bấy giờ...” tiếp nêu hai lần bảo “Thôi”: Thôi đầu tiên ý sợ hoại nghi. Tiếp Xá-lợi-phất nêu đời trước căn lợi, cho nên lại thỉnh. Tiếp Phật bảo “Thôi”, là hộ hạng thượng mạn.

Tiếp Xá-lợi-phất thuật trí tuệ lợi ích nhiều, nêu nghi lại thỉnh: Tiếp chánh rộng khai ba, có ba phần: 1. Phân chương chỉ tướng. 2. Nghĩa bốn phân biệt. 3. Y văn chánh giải thích. Phân chương có bốn: 1. Dẫn kinh nêu chương. 2. Nêu phẩm phân chu. 3. “Cũng gọi là...”: là ba chu danh khác. 4. Dẫn lệ. Lệ như kinh Đại Phẩm nói ba căn, phẩm Phương Tiện thứ hai mươi mốt nói: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Như lời Phật dạy hoặc rộng hoặc lược; các Bồ-tát... làm sao cầu ư? Phật dạy: Như vậy, Như vậy. Cho đến Nhất thiết chủng trí tướng như vậy. Đại Bồ-tát học là lược nhiếp Bát-nhã Ba-la-mật thì biết tất cả pháp tướng rộng lược. Bạch Thế Tôn! Bồ-tát lợi căn cũng nhập ư? Phật dạy: Lợi căn trung căn, định tâm tán tâm, đều nhập môn này. Môn này vô ngại cũng như ba thứ phát tâm không đồng. Dùng mười nghĩa liệu giản, từ xưa nay văn phần nhiều có

phân tranh, nay vì bình luận xét phán và để tự lập nhân làm mười môn. Nhưng mười môn đây tuy rộng lẫn lượt phá, mà một nhà lập chương đều theo thứ lớp, đầu muốn nêu người sở bị, trước nêu rõ pháp năng ích, cho nên trước biện ba chu thông biệt đồng khác. Tiếp biện rõ sở bị quyền thật có không. Tiếp nêu phân hai: Đối với thật hành, người đắc nhập tam chu không đồng do lậu hoặc có dày có mỏng. Tuy hiện lậu hoặc dày mỏng, cần phải biết do căn đời trước, tuy đã thành mà căn cần phải tại ngộ, đã được ngộ rồi ắt biết lãnh giải. Nếu có lãnh giải lý thì phải cùng được thọ ký. Người được thọ ký đó ngộ có cạn sâu. Người sở dẫn có thâm hoạch được thọ ký không? Chúng năng dẫn cần lợi ích có không! Đã biết lợi ích hiển, muốn biết lợi ích ngầm cho nên biện đời thời. Đầu môn tự lập, trong văn đầu nói: “Nếu ta gặp chúng sinh...” là nói nhân duyên. Xưa từng kết duyên, tức là nhân xưa. Trung gian gặp nhau nơi nơi đều dùng Phật đạo để thành thực. Ngày nay năm thời đều nương tựa Phật đạo tức thủy chung phó vật. Căn lợi thì chưa cần thuật sự của Phật Đại Thông. Nếu nói văn đây thuộc thuyết pháp, thì mặc dù ở đầu văn thí thuyết mà phân văn vẫn thuộc sau văn pháp thuyết. Đã ở trong phần đầu thí thuyết, nên lại dùng đó. Nếu không như vậy thì chọn văn kế tiếp để dùng.

“Trường giả văn dĩ kinh sợ vào...”, là nói nhân duyên. Nhân xưa, duyên nay, là nghĩa cảm ứng. “Trường giả” thì “ứng” sở văn là “cơ”, “kinh sợ vào” tức là phó cơ. Cho nên, biết: ứng phó tức là nhất hóa ngày nay. Ý đáp: Chấp nhận đều đủ “ba căn”, pháp thuyết tự bị trong pháp thuyết có ba, hai thứ còn lại cũng vậy. Chỉ nói “ba căn” nhiếp chín tức đủ. Từ chánh lược phụ, thượng căn thì trung thượng căn là chánh, trung hạ là phụ. Cũng nên nói luận đủ thì có ba, tạm nói thượng thôi! Nếu hợp thượng căn thì thượng ba đều “bị”. Chỉ thượng căn là nhiều là chánh, trung hạ căn là lược là bên. Trung trung, thượng hạ, hạ trung, trung thượng, cũng lại như vậy. Trong nghĩa thứ hai ngài Quang Trạch có thật làm quyền sở dẫn, thì thành quyết định có thật hành, dẫn ý quyền khiến có thật. Ngài Khai Thiện nhất định chấp ý dẫn quyền khiến không thật. Nay nói “có không”, lại căn cứ thật hạnh, quyền lẽ ra tạm có đâu cần luận. “Khai Thiện” chỉ Tứ niệm xứ làm “sơ nghiệp”, cho nên nói “ngoại phạm”. Nay nói “có”, thì ai luận sơ nghiệp năng biết thường ư? Lẽ nào do mới biết khiến nay không ư? Như sự Đại Thông Phật, sao không biết? Cũng nói nay có trú địa vị Thanh-văn. Nói “đâu có”: là rất không có khả năng. Trước Pháp Hoa sở chấp là gì? “Kinh nêu rõ...”: chính bị Ngài Quang Trạch phá bỏ. Đã nói đâu chấp

Tiểu quả, thì Quyền làm sao sở dẫn ư? Nay trước tổng bài xích hai nhà “nương kinh mất nghĩa”. “Nương kinh”: là ngài Quang Trạch. Kinh này hai văn được thọ ký cho nên “không”, chưa thọ ký thì “có”. Lại tại xưa cho nên “có”, nay thì “không”, cho nên nay dẫn văn căn cứ “khai” căn cứ “ký” để phá định “có” kia. Nếu vọng sau “không” mà chấp “có”, thì (lỗi) mất. “Mất nghĩa” là phá “Khai Thiện”. “Nếu định không...” là văn, đã có nhập thành thì ắt có thật hành. “Quyền hà sở dẫn”, tức là lại do Quang Trạch kết phá Khai Thiện. Cho nên nay lập thật có, cùng Quang Trạch nói đồng, ý kia thì biệt. Nay tuy nói “không”, cũng cùng Khai Thiện không đồng, vì nói từ sau được thọ ký. “Nếu định có...”: là phá chấp định có, sợ chấp sau tam chu còn có Thanh-văn. Nếu định không thì phá định chấp không. Như ở đầu phẩm Tựa nhân hào quang chiếu mà ngang thấy Văn-thù dẫn việc xưa. Đầu phẩm Phương Tiện nói một ngàn hai trăm người khi chu Pháp thuyết xong, còn tự không ngộ vẫn đợi Thí thuyết. Trong văn “túc thế” (đời trước) nói nay có trụ Thanh-văn địa, lại nêu người không biết. Nói “Xá-lợi-phất, Bích-chi-phật...” cho đến lưu thông nơi nơi đều có, vì sao lại nói không? Lại nói “không”: là phá người trụ quả, định chấp vĩnh viễn diệt, chẳng phải cho là vốn không. “Nếu nói...”: là văn nay rộng nạn vấn, nay chấp nhận “thật có là quyền sở dẫn”, vẫn sợ nơi khác dùng Tam tạng Phật theo lệ. “Nghĩa đây không theo lệ...”: nay văn trình bày. Đức Phật ở quả đầu thì không có thật hành, Thanh-văn thì không như vậy cho nên “có”. Tam tạng Phật nói xuất từ nơi giáo nay, cho nên biết không phải người khác vấn. “Nơi nào”: Phật ắt tam thân viên mãn cho nên xưng Phật đây là quyền. Nếu nói ba mươi bốn tâm, thì đây chính là giáo Quyền tương tự Thật. Xưa nay người học Phật đây còn không dám gọi là Quyền, thì ai biết tịch diệt đạo tràng không thật.

“Nay nêu rõ...”: là chánh giải thích, chia làm hai phần:

1. Lập lý.
2. Dẫn luận.

Phần Lập lý cũng có hai: Đầu, lược lập. Tiếp, nói “Nếu từ...”: Thật trí còn không có A-tỳ, lẽ nào kiến định có Thanh văn. Nếu nói thời chưa đến thì nghĩa “có” chẳng sai, cho nên Trưởng giả Phật nhãn thủy chung đều không. Dùng Pháp nhãn quán Trung thì đường cần có. “Tác nhân” cũng căn cứ trước chưa được thọ ký. Phần Dẫn luận chia làm năm phần: 1. Chánh dẫn luận. 2. “Nếu y...”: là dùng kinh này vọng luận nghĩa lập năm loại. 3. “Nếu từ...”: là phán xét. 4. “Nếu đắc...”: là kết ý. 5. “Lại nữa...”: là phán Đại. Phần Dẫn luận thì như văn. Phần hai,

nay y kinh vọng luận, chỉ thêm một loại Phật đạo. Trong phần Phán xét, nói: “Nếu từ quyết định” cho đến “Bảo sở”: là căn cứ Đại tuy không chuẩn theo Tiểu nhưng vẫn có. “Thoái Bồ-đề tâm” vẫn thuộc có, là do tại Tiểu giáo. Nay luận bắt đầu nên nói thoái đại. “Thật đã vậy...”: là nêu Ứng hóa, sở dẫn hồi tâm năng hóa bản đại. Nếu tăng thượng mạn hai đường không thu nhiếp thì bản chẳng phải luận bàn. Phần năm “Lại nữa...”: là lại phán định Đại thừa có, không. Chia làm hai phần: Trước, phán xét. Tiếp, kết ý. Chỉ Ứng hóa là không, thứ tư, thứ năm đều gọi là “Đại”. Cho nên trong luận thì không nói Đại thừa chỉ nói Ứng hóa. “Nếu từ tự hành...”: là chánh chỉ Phật đạo, đây dùng danh do nhà này lập và dùng “phát tích” để giải thích nghĩa, vẫn trừ khai tam đặc thọ ký rồi, tức gọi là Sinh thân đặc nhãn Bồ-tát. Cho nên, chọn “phát tích” là biết có “thực bản”, cũng được gọi là Đại thừa Thanh-văn. Vậy thì theo ẩn đức nên không theo phát Tích thì có, do đó được gọi là Đại thừa Thanh văn. Rõ ràng nói “phát tích” vẫn thị hiện Thanh-văn, cho nên được tên. Không đồng nơi khác giải thích rằng trong Đại thừa tự lập Thanh-văn. Từ “Nay khai tam...” trở xuống: là định chánh ý văn, cần phân làm hai hạng người, vì hạng người thoái tâm Đại thừa cùng luận không khác biệt, nay chọn Quyết định ý giống như có chút sai khác. Luận căn cứ tại pháp hội được thọ ký. Nay căn cứ theo cách chung bị khai, chúng không tại pháp hội thì được Phật lần lượt vì nói. Hoặc ở ngoại giới cũng được nghe, hoặc sau khi Phật diệt độ thúc giục khiến tin. Kinh đây nói chung nói thẳng là thọ ký. Luận nói thoái đại. Lại dựa vào một con đường, như các Thanh-văn ở trước Pháp Hoa, ai biết thoái đại? Chúng tại pháp hội Phương-đẳng đều gọi là Chủng diệt. Căn cứ ý kinh này, vì kia đây đã nghe kinh, ắt kia đây được thọ ký. Sau một phen khai, không gián đoạn như vậy, quay về cùng chưa quay về dùng phân hai nghĩa. Nên biết luận liên quan có nói đến các thứ khác, không dùng ý kinh mà cho là đồng nhau.

“Thứ ba: Hoặc có (sâu) dày mỏng”: Sư xưa dùng “hồi Hoặc” để giải thích “Hoặc”, Sư nay dùng “phiền não Hoặc” để giải thích “Hoặc” cho nên cùng xưa không đồng. Trong đó trước liệt kê giải thích của các sư xưa, lần nữa lại quán sở chứng, cho nên nói “du quán”, do “du quán” cho nên biết lý Nhất đồng. “Và kia...”: là nêu rõ nguyên nhân của Hoặc kia là do nghe giáo khác. “Dẫn ắt...”: là chánh nêu lẫn nghi sinh hoặc, giáo vốn thuyên giảng lý, năng thuyên đã ba thì sở thuyên đâu chỉ một? Nếu sở thuyên một thì năng thuyên đâu phải ba? “Chân chừ...”: là nêu tướng Hoặc kia, mặc dù “hồi hoàng” (trở lại gấp gáp) mà chưa biện rõ

“được và mất”, “Theo lý...” phán xét nghĩa “được và mất”. “Theo lý mà nghi hoặc giáo” thì “được” là thuận lý. “Theo giáo mà nghi hoặc lý” thì có “mất” là trái lý. “Hàng thượng căn...” chính dùng lý giáo được mất trong Tiểu mà phán nhập Đại tam chu không đồng. Cho nên hàng thượng căn chấp một lý tình nhiều, lý gọi là gần đại. Cho nên nghe không ba mà thuận một lý do đó ngộ trước. Giáo nghi hoặc lý, ba phen nghe mới biết một lý không sai biệt, do nhân đây thành hạ căn ngộ, trung căn hai tình lực v.v... cho nên ngộ ở giữa. “Nay cho là”: là phá. Trước, tổng phá lý giáo kia xen lẫn nghi hoặc mà làm ba căn. Nếu dùng xen lẫn nghi hoặc mà làm ba căn, thì không thể chưa nghe tam chu dự đoán sinh “hồi hoặc”.

Tiếp, “Ba người...”: đủ phá hai ý: 1. Đại tiểu vĩnh viễn không liên quan nhau, 2. Phá tại Tiểu không nên nghi hoặc Đại. Đây biệt phá hai ý. Trong phần đầu lại có hai: Trước, lại định đó, nên nói “Những gì”. “Nếu hồi hoặc...”: là chánh phá, lại có hai: Trước, căn cứ Tiểu thừa phá, nghi thuộc Kiến hoặc, Sơ quả còn không phải, sao được xen lẫn nghi mà gọi là ba căn? Tiếp, “Nếu hồi hoặc Đại thừa...”: là căn cứ Đại thừa phá. Đại tiểu đã sai biệt, sao được đối với đại lý giáo mà xen lẫn nghi? Ý tiếp là dùng ý kinh này. Nếu Đại tiểu lý giáo lại xen lẫn nghi hoặc, thì ông ở chỗ nào mà nghe bài xích ba ư? Phương-đẳng tuy bài xích, Bát-nhã tuy gia thêm, đều chưa từng nói “ba là phương tiện”. Cho nên biết trước lúc ấy Đại Tiểu chưa nghi hoặc, lẽ nào có xuất nhập quán ba một chân chừ ư? “Đã dự...” dù nạn vấn trước lúc ấy đã từng có lý giáo “hồi hoặc” mà nên biết đã từng động chấp sinh nghi. Nếu đã sinh nghi thì khi lược khai tam rồi thì phải lãnh giải, sao được lược nghe? Vẫn nói bốn chúng đều có nghi? Nói “ngày nay”: là khi nghe lược khai. “Tiến thoái...”: là kết ý không phải. Tiếp, “Nay nêu rõ...”: là chánh giải thích gồm ba phần: 1. Phán chánh ý. 2. Căn cứ bốn câu để phán ba căn. 3. Căn cứ ba phẩm để nêu nhập trụ.

Phần một: Trước tổng nêu căn Hoặc đều sai khác đối với người khác, Tiểu thừa căn nhất định “hồi hoặc”, lại trừ bỏ, sao được lại căn cứ Tiểu thừa để biện Hoặc? Người khác dù theo Tiểu mà nghi hoặc Đại, người kia lại không lập biệt danh của Hoặc, cho nên Tiểu “hồi hoặc” không thành dày mỏng.

Hỏi: Các người hàng Thanh văn, trước lúc ấy vẫn không có nói đoạn biệt hoặc vì sao nay căn cứ để luận dày mỏng ư?

Đáp: Hiển giáo tuy không có, mà căn cứ lý hợp thì có, cho nên vẫn bị đào thải, nghĩa đương đoạn phục, do căn không đồng nên đoạn

phục cũng sai khác, dẫn đến có ba căn trước sau không đồng.

Phần hai: Căn cứ bốn câu, chia làm hai phần: Một là nêu bày. Hai là: dùng bốn câu riêng đối bốn người. Căn Hoặc đều do quá khứ huân tập, dẫn đến khiến ngộ có tam chu không đồng, do đó ba phen phân phán. Đầu giải thích thân căn cơ khiến tận, cho nên câu thứ tư nhiếp “chúng kết duyên”. Hai câu sau giải thích bất định: ba căn đã định, chỉ câu pháp đến bốn, đem bốn phán ba cho nên từ bao hàm tiến thoái. Trong giải thích thứ hai: nên coi hai câu giữa là trung căn. Văn nói “là trung hạ căn”: hoặc bỏ chữ “hạ”, hoặc chữ “hạ căn” riêng làm câu dưới.

Phần ba: Căn cứ ba phẩm Hoặc, lại có hai: Đầu thích, sau lệ. Đầu giải thích: Tức hai vị đều có ba lớp, Nay lại nêu tam chu bắt đầu nhập Sơ trụ có ba không đồng. Hoặc tận không bằng nhau, nên khiến như vậy. Ví như dưới dùng Tiểu thừa so sánh Đại thừa. Mười sáu sát-na đều gọi là Vô lậu, đến thứ mười lăm còn thọ tên Hưởng, cho nên ba phẩm Hoặc tận thì mới nhập Sơ trụ, bấy giờ bèn được thọ ký.

“Thứ tư: Chuyển căn, không chuyển căn”: Trước là thuật xưa, tiếp “Nếu vậy...”: là phá. Tuy có gọi là chuyển, khi nghe đều có thượng căn mà ba căn không thành. “Nếu chuyển...”: là phá nghĩa chuyển không thành, cũng không có ba căn. Khi tam chu ngộ đều gọi là thượng căn, lấy gì để biện tam chu ba căn? Còn lại người chưa ngộ thì không gọi là “chuyển”.

Tiếp theo là ý ước lệ: Đầu lập sự, tiếp nạn vấn. Nếu cả hai đều lợi và lợi độn vẫn còn, thì không gọi là “chuyển”. “Thân-tử một phen nghe...”: đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển sáu nói. Tiếp “Chúng sinh...”: là trong chánh giải thích, có hai: Đầu là chánh giải thích, tiếp là liệu giản. Văn đầu: trước là dẫn hiện tại làm so sánh, hiện đã là duyên sở chuyển, nghiệm xưa cũng vậy. “Đời trước...” là nêu rõ đời trước chuyển ba căn đã thành, cho nên khiến ba căn trước sau ngộ nhập. Tiếp, “Thí dụ tam đao...”: “đao” như căn, “mộc” như nghi hoặc, người cầm đao như cơ, đức Phật khiến họ chặt đứt. Thọ giáo như nghe pháp, vận chặt như dụng quán, cây gãy như chứng, từng đập như chuyển, gặp để đập không đồng nên có căn lợi độn. Trong đây nghe ngộ tự như Tín hành đều kiêm pháp, do đời trước tin pháp hồi chuyển giúp nhau không đồng. “Tin pháp...”: tương đầy đủ như trong Chỉ Quán, đây trong một tòa không có sáu mươi bốn phen.

Ý của câu “Hỏi” là: Chưa nhập Trụ trước gọi là ba căn, tức ba căn đây nhập Trụ rồi thì về sau còn được gọi là ba hay không? “Đáp”:

Ý có thể thấy.

Tiếp “Hỏi” ý là: Trước Trụ gọi là duyên, Sơ trụ gọi là Chân, chưa chứng Nhị trụ cũng gọi là “duyên tu”. Trước Trụ thì “duyên tu” đã có sai khác, trước đệ Nhị trụ cũng có sai khác ư? “Đáp”, ý: Vị đồng lý đồng không nên biệt nữa, trước Trụ chưa chứng chấp nhận có không đồng. Nhưng trước Viên trụ cũng gọi là “duyên”, thì chỉ có trong đây và Tứ niệm xứ. Vẫn đối với nghĩa Biệt giáo mà lập danh kia.

“Thứ năm: Ngộ và không ngộ”: Đầu văn nay tự lập: Trước dẫn kinh lập ngăn ngại. Tiếp, “Nếu nói...”: là nêu vượt ngăn ngại. “Nhưng kinh...”: là biện rõ biệt, cho nên nói “nghĩa chưa hẳn như vậy”. Cho nên xưa ba căn không đồng tam chu, tam chu tam thừa đều ba thành chín. “Nay kinh...”: nay nhân đây cần phải biện rõ Bích-chi-phật có không. Trước là dẫn khởi lập lại ngăn ngại, đã biết ba căn khắp ở tam thừa. Kinh này văn nào nói Bích-chi-phật ngộ? Tiếp, “Bích-chi-phật...”: giải thích sự ngăn ngại. Nói “Trung căn”: là dựa vào Tam thừa trước. Nói “tùy căn”, là do trong Thanh-văn cũng có ba căn. “Cho nên Thân-tử...”: chứng, không có riêng Bích-chi-phật. Đã nói rõ Nhị thừa đắc ngộ ba căn không đồng, Bồ-tát cũng nên khắp ở tam chu, vì sao như vậy ư? Cho nên vượt ngoài các Sư xưa, nêu rõ Bồ-tát chấp nhận có ba căn, mà đều nơi pháp thuyết đều không đến hai chu trung hạ. Nói “Vực hoại”: “Vực” là hạn cuộc bờ cõi, là phần hạn của tâm kỳ vọng. Nói “cận quả”: Kia chỉ cùng địa vị, nghĩa là lia Nhị thừa tức cầu làm Phật, Phật quả vẫn đồng địa vị nhị thừa, cho nên nói “cận quả”. Nay nghe Phật quả tức vượt qua năm trăm (do tuần). Dù có nghi xa gần, cũng không đồng Tiểu thừa cho nên dễ ngộ. “Ba căn...”: xưa phán ba thời đồng tại pháp thuyết. “Nay nêu rõ...”: là phá. Chu đầu trước chỉ pháp thuyết, đầu và trong lược nói. Chu đầu thì tam thừa Bồ-tát đứng đầu, nhưng không cùng đầu tiên ngộ. “Nếu vậy...”: là dẫn chứng, sao được phẩm Phân Biệt Công Đức và trong Lưu thông, như phẩm Diệu Âm Bồ-tát... còn có mới ngộ Vô sinh nhẫn. “Xưa nói...”: là xưa có ý bào chữa nói: Chu đầu trước ngộ đã thành Pháp thân. “Nay nói...”: là lần nữa lại phá. “Sáu trăm tám mươi vạn ức...”: lẽ nào có thể trước là Pháp thân mà vẫn nói đắc Vô sinh nhẫn ư? Sau Vô sinh nhẫn mới gọi là “tăng đạo”.

Tiếp, “Hỏi”: Đã không chấp nhận Bồ-tát chỉ tại chu đầu, thì Nhị thừa cũng nên đến Thọ Lượng ư? “Đáp”, ý: Người không hạn cuộc ở đầu, danh không thông sau.

Hỏi: Đã đối tam chu đã đắc Vô sinh tức là Pháp thân, vì sao không chấp nhận giải thích của Sư xưa ư?

Đáp: Ý của Sư xưa: Vốn là Bồ-tát, chu đầu nghe pháp đắc thành Pháp thân, đến trong phẩm Thọ Lượng tăng đạo tổn sinh. Nay nói Thanh-văn đến sau tuy thông là Bồ-tát, hoặc là có người chưa đắc Vô sinh nhẫn thì không gọi là “tăng đạo”, cho nên chỉ nói Vô sinh. Sư nay trước nạn vấn người xưa: Vốn là Bồ-tát còn có đến đó mới đắc Vô sinh? Như đầu giải thích trong phần Duy thốn, trước đắc Thập trụ... tự là một đường, lẽ nào khiến cho Bồ-tát đều trước ở pháp thuyết đắc Vô sinh? Cho nên biết căn tánh Nhị thừa được thọ ký cũng có đến sau mới đắc Vô sinh nhẫn, cho nên không thể làm một đại khái. Phải biết tất cả đều thông trước sau, chỉ sau tam chu thì không có tên Tiểu thừa.

“Thứ sáu: Có lãnh giải, không lãnh giải”: Tuy không nói cổ xưa có chấp đây mà nay dẫn phá. “Nay nêu rõ...”: là trước phá Duyên giác, tiếp là biện Bồ-tát. Văn đầu có bốn: 1. Lập ý. 2. “Thân-tử...”: dẫn sự. 3. “Lại, bốn chúng...”: là ý có. 4. “Tín giải...”: là nghĩa có.

